TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31 – 7 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thanh
2. Bà Trần Thị Kim Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Huyền T - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2023/TL.ST-HNGĐ, ngày 19 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* Anh Nguyễn Tấn T1, sinh năm 1982 (vắng mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Khóm L, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Chị Trần Kim N, sinh năm 1978 (vắng mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Tấn T1 trình bày:

Anh và chị Trần Kim N quen biết nhau, sau một thời gian tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Hậu Giang vào ngày 04/3/2022. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu rất hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu

thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong công việc. Từ đó không tìm được tiếng nói chung khiến hôn nhân đã rơi vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nhận thấy không thể hàn gắn được nên anh làm đơn yêu cầu ly hôn với chị Trần Kim N.

Về con chung: Anh Nguyễn Tấn T1 và chị Trần Kim N không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, chị Trần Kim N dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị Trần Kim N đối với vụ án này.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn T1 được ly hôn với chị Trần Kim N;

Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, nếu phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Về nợ chung: Không có, nếu phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Về án phí: Buộc nguyên đơn anh Nguyễn Tấn T1 phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Tấn T1 và chị Trần Kim N sau một thời gian tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân, A, chị có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị

trấn C, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn nên anh T1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Kim N; Chị Trần Kim N có địa chỉ cư trú tại ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hậu Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Tấn T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị Trần Kim N do đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt anh T1 và chị N là có căn cứ.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Hôn nhân giữa anh Nguyễn Tấn T1 và chị Trần Kim N được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Hậu Giang vào ngày 04/3/2022 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh T1 và chị N phát sinh mâu thuẫn từ năm 2022 đến nay không thể giải quyết được, nguyên nhân là do bất đồng trong cách chăm sóc gia đình và trong cuộc sống, anh T1 cho rằng cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn được nữa. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị N dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên hòa giải không thành, anh T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện với chị N, cho thấy hôn nhân của anh T1 và chị N đã rơi vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh T1 là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho anh T1 được ly hôn với chị N.

[3.2] Về con chung: Không có nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung : Không có, nếu phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

[3.4] Về nợ chung: Không có, nếu phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

[3.4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc anh Nguyễn Tấn T1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn T1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Nguyễn Tấn T1 được ly hôn với chị Trần Kim N.

2. Về con chung: Không có nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nếu phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác .

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Tấn T1 phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Tấn T1 đã nộp theo biên lai số 0002035 ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (anh T1 đã nộp xong).

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND thị trấn C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Đua